TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019.
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn V Hải

Bà Nguyễn Thị Ngưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đình V, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Huỳnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 22 tháng 10 năm 2015. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian tới tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, cuộc sống vợ chồng mỗi người

một chí hướng, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn mất lòng tin lẫn nhau dẫn đến thường xuyên gây gỗ cải vã nhau. Mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc tới ai. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 11 năm 2018 tới nay, trong thời gian ly thân chị và anh V có gặp nhau nhưng không hòa giải hàn gắn gia đình được.

Tại phiên Tòa, chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có một con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016, hiện con chung đang sống chung với chị, nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có .

*Bị đơn anh Lê Đình V trình bày:*Về cơ sở kết hôn thì chị N trình bày như trên là đúng. Anh, chị ly thân từ tháng 11 năm 2018 tới nay, trong thời gian ly thân anh và chị N có gặp nhau nhưng không hòa giải hàn gắn gia đình được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung, khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như chị N trình bày. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có .

Anh V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Đình V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh V. Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu Lê Thị Ngọc T, sinh

ngày 20 tháng 10 năm 2016 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N, anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị N, anh V trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Đình V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy N tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2015, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn, ngày 22 tháng 10 năm 2015, nên hôn nhân của chị N, anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng chung sống nhưng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm với nhau, cuộc sống vợ chồng mỗi người một chí hướng, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn mất lòng tin lẫn nhau dẫn đến thường xuyên gây gỗ cải vã nhau. Mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2018 tới nay, trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua lời trình bày của chị N tại phiên tòa, cũng như biên bản lấy lời khai của anh V phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn, anh V cũng đồng ý. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N đối với anh V là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị Huỳnh N và anh Lê Đình V xác định có một con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016. Từ ngày ly thân cháu sống chung với chị N.

Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu T, lời khai anh V thống nhất giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị N và anh V đã

thống nhất giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, bởi vì cháu T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo nhu cầu về vật chất, tinh thần, tâm sinh lý đứa trẻ và quyền lợi của con chung nên giao cháu T cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, phù hợp theo qui định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị N không có yêu cầu, dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị N nghe nhưng chị vẫn giữ nguyên ý kiến. Do đó, ghi nhận chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh V trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Huỳnh N đối với anh Lê Đình V

Chị Võ Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Lê Đình V.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Lê Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh V trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022043 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy N tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy N tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy N tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Mai